

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2018

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mậu Đảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba;
2. Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Mỹ Lợi, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân:

Trong nội dung Đơn khởi kiện; Bản tự khai, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị (T) và anh Lê Văn T đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình ngày 05 tháng 9 năm 1993. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng gia đình anh T tại thôn H, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn như trước nữa mà

sa vào con đường tệ nạn, Chị (T) và Gia đình đã khuyên can nhưng anh T vẫn không thay đổi, xảy ra nhiều lần tranh cãi. Không chấp nhận được cuộc sống như vậy nên Chị đã đưa con về sống cùng bố mẹ tại thôn H, xã D từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay. Nay, Chị thấy cuộc sống, tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp như trước nên xin được ly hôn.

Tại Bản tự khai và tại Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, anh Lê Văn T trình bày: Về việc kết hôn và sinh sống, quá trình chung sống như chị T trình bày. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không hiểu nhau, mỗi người có một cách sống khác nhau, không phù hợp nên xảy ra tranh cãi, chị T làm đơn xin ly hôn, Anh cảm thấy vào thời điểm này không đủ sức níu kéo hạnh phúc của gia đình nữa nên nhất trí. Đồng ý ly hôn của chị T. Do vợ chồng không thể trở lại chung sống cùng nhau hạnh phúc được nên đề nghị Tòa án cho Anh được giải quyết, xét xử cho ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T đều thống nhất khai có 01 con chung tên là Lê Anh N, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2014; chị T có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con sau ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con; anh T đồng ý giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nay chưa có điều kiện để cấp dưỡng, sau này có điều kiện anh sẽ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn; giải quyết về việc nuôi con chung; lời khai, ý kiến đã trình bày tại Tòa án: Hai bên không hiểu nhau, bất hòa, đã ly thân, quan hệ vợ chồng căng thẳng, mâu thuẫn kéo dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn. Về việc nuôi con, chị T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Anh N; không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh T không có điều kiện. Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh có quan điểm:

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về việc tiến hành tố tụng: Việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành tố tụng; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự, cho Viện kiểm sát, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng chấp hành,

tiến hành, thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tổ tụng dân sự; nguyên đơn được đảm bảo thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T không còn, sống ly thân, chị T xin ly hôn là hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, áp dụng Điều 51, 56 xử cho chị T được ly hôn anh T; áp dụng điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Anh N sau ly hôn, không buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình (ly hôn, nuôi con), các đương sự đều có nơi cư trú tại xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Trong thời hạn giải quyết vụ án, anh Lê Văn T có Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt vì không có điều kiện để tham gia toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án; vụ án không tiến hành hòa giải được, tiến hành xét xử vắng mặt anh Trung theo yêu cầu xin được giải quyết, xét xử vắng mặt của anh Lê Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Nguyễn Thị T:

Đối với yêu cầu ly hôn: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T đã đến mức căng thẳng, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn và giữ nguyên lời khai, ý kiến đã trình bày tại Tòa án. Tình cảm vợ chồng của chị T đối với anh T không còn. Anh T thấy không thể níu kéo hạnh phúc của gia đình, không thể trở lại chung sống cùng nhau hạnh phúc được nên đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử cho ly hôn với chị T.

Xét thấy tình trạng quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T không thể cải thiện được. Cả hai bên đương sự đều đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của

nguyên đơn, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T.

Đối với yêu cầu giải quyết việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T có 01 con chung tên là Lê Anh N, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2014. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh T đồng ý nên áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con sau ly hôn. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, anh T chưa có điều kiện nên không buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị T và anh T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung sau ly hôn khi xét thấy cần thiết đảm bảo quyền lợi cho con. Anh T có nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; chị Thu có nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình và theo quy định khác của pháp luật.

Đối với tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Áp dụng các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình. Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Anh N, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2014; anh Lê Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; chị T có nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản: Không có đương sự yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0004596, ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Chi cục THADS H.Q;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mậu Đảo